

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HS-ST

Ngày: 15 - 8 - 2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hữu và Đào Xuân Nhi

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:***  
Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1. Mai Ngọc T** (tên gọi khác: C), sinh năm 1991 tại Kiên Giang; nơi cư trú đội 02, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Thiên chúa giáo, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Mai Ngọc H (đã chết) và bà Đoàn Thị Kim H, sinh năm 1970, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2019 cho đến nay “có mặt”.

**2. Thạch Kim G** (tên gọi khác: K. Đ), sinh năm 1997 tại Bình Phước; nơi cư trú tổ 3, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Khome, giới tính: Nam, tôn giáo: Phật giáo, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Thạch T, sinh năm 1977 và bà Kim Thị B, sinh năm 1978, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại “có mặt”.

*Người bị hại:*

Anh Thạch Thanh S, sinh ngày 01/01/2001; nơi cư trú ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; nơi cư trú tổ 3, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Ông Thạch C, sinh năm 1973, nơi cư trú ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện nay ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”;

Bà Kim Thị B, sinh năm 1978; nơi cư trú tổ 3, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 27/4/2019, trong khi anh Thạch Thanh S đang chơi tại nhà của Thạch Kim G thì G hỏi mượn chiếc xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 84E1 – 366.42 của anh S để đi công việc thì anh S đồng ý. Sau khi mượn được xe, G chạy đến nhà nghỉ “A” thuộc khu phố S, phường T, thành phố Đ để gặp Mai Ngọc T và Vương Hữu Triệu V, tại đây V và T rủ G sử dụng ma túy đá thì G đồng ý. Sau khi sử dụng ma túy, V mượn G chiếc xe mô tô biển số 84E1 – 366.42 để đi công việc thì G đồng ý và giao xe cho V. Do G và T đang thiếu tiền của một người tên L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) mà không có tiền trả nên T nói với G lấy xe mô tô biển số 84E1 – 366.42 mang đi cầm lấy tiền trả nợ cho L, đồng thời lấy tiền chơi game Manvip, lúc này G không đồng ý và nói “đây là xe của S cho G mượn đi công việc, không cầm được”. T nói “chỉ có cách cầm xe mới giải quyết được số nợ, có gì cho T mượn 4.000.000 đồng để trả nợ cho Long” thì lúc này G đồng ý. Sau khi V đi công việc xong và quay lại nhà nghỉ “A” thì G đưa chiếc xe mô tô biển số 84E1 – 366.42 cho T mang đi cầm cho Nguyễn Văn T, tại tổ 3, khu phố P, phường T, thành phố Đ được 13.000.000 đồng nhưng T lấy trước tiền lãi cầm xe là 1.300.000 đồng. T quay về nhà nghỉ “A” đưa cho G số tiền cầm xe là 11.700.000 đồng, G sử dụng để nạp tiền vào tài khoản game Manvip của G và T, cho T mượn 4.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 19 giờ ngày 28/4/2019, do hết tiền chơi game, G rủ T đến lấy thêm tiền cầm chiếc xe mô tô biển số 84E1 – 366.42 thì T đồng ý. Sau đó T trực tiếp đến gặp T và lấy thêm 2.000.000 đồng tiền cầm chiếc xe mô tô biển số 84E1 – 366.42, T lấy tiền lãi cầm xe là 200.000 đồng và đưa cho T 1.800.000 đồng, T sử dụng hết số tiền này để nạp tiền vào tài khoản game Manvip của G và T.

Đối với anh S sau khi không thấy G trả lại xe nên đã đến Công an phường T trình báo. Ngày 30/4/2019, Công an thành phố Đ bắt giữ G tại nhà nghỉ “A”, cùng ngày T đến Công an thành phố Đ đầu thú.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner biển số 84E1 – 366.42. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Thạch Thanh S.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 77/KLĐG ngày 03/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda

Winner, biển số 84E1 – 366.42, số máy KC26E1132696, số khung 2603GY097404, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường có trị giá 40.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 03/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ đã truy tố các bị cáo Thạch Kim G và Mai Ngọc T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Ngọc T mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thạch Kim G mức án từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo G, T tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 03/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với kết luận điều tra; biên bản định giá tài sản, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được

thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền chơi game và để trả nợ cho một người tên Long (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nên sau khi Thạch Kim G mượn được chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, biển số 84E1 – 366.42 của anh Thạch Thanh S đi công việc, thì Mai Ngọc T đã rủ G đem cầm cố chiếc xe trên lấy tiền tiêu xài thì G đồng ý. Sau đó T đã mang đi cầm chiếc xe cho anh Nguyễn Văn T, trú tại tổ 3, khu phố P, phường T, thành phố Đ 02 lần để lấy số tiền 15.000.000 đồng cùng G chia nhau tiêu xài.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 77/KLĐG ngày 03/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, biển số 84E1 – 366.42, số máy KC26E1132696, số khung 2603GY097404, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường có trị giá 40.000.000 đồng.

[3] Hành vi lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở trong việc giao tài sản sau đó chiếm đoạt trái phép của bị cáo Mai Ngọc T và Thạch Kim G đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 40.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố các bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo là người đã thành niên, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo G và T hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại anh Thạch Thanh S trong việc giao tài sản rồi đem cầm cố nhằm chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích chơi game và tiêu xài cá nhân mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người người bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, nhưng cũng cần phân tích vai trò của từng bị cáo trong việc cá thể hóa hình phạt:

Đối với bị cáo Mai Ngọc T: Sau khi biết G mượn xe của anh Thạch Thanh S bị cáo đã rủ rê G đem cầm cố lấy tiền tiêu xài, bị cáo là người trực tiếp đem chiếc xe đi cầm và cùng G tiêu xài cá nhân. Do đó cần phải có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Thạch Kim G: Khi được Mai Ngọc T rủ rê đem chiếc xe của anh S đi cầm cố bị cáo đã đồng ý, sau khi cầm cố được tài sản bị cáo lại tiếp tục rủ T đi lấy thêm tiền cầm xe để có tiền tiêu xài, qua đó thể hiện rõ ý thức chiếm đoạt tài sản của bị cáo. Do đó cũng cần có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Tuy nhiên xét thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng hình phạt, có các tình tiết giảm nhẹ hình phạt như: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo T sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo G đã tác động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người bị hại cũng có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc ít người nên bị cáo Thạch Kim G được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Mai Ngọc T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần xem xét trong việc lượng hình phạt đối với các bị cáo.

Xét thấy bị cáo Thạch Kim G có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo để giáo dục mà chỉ cần lên cho bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của G, T và Vương Hữu Triệu V, Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo G và T. Riêng đối tượng V đã bỏ đi khỏi địa phương nên Công an Thành phố Đ chưa có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn T khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số 84E1 – 366.42 của T, anh T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý. Tuy nhiên anh T không có giấy phép kinh doanh về lĩnh vực cầm đồ nên Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh T.

Đối với hành vi chơi game của các bị cáo G và T, Cơ quan quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại anh Thạch Thanh S đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, biển số 84E1 – 366.42; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T đã được bà Kim Thị B là mẹ bị cáo Thạch Kim G bồi thường số tiền 13.500.000 đồng. Cả anh S và anh T không ai có yêu cầu bồi thường gì, bà B cũng không yêu cầu bị cáo G trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh:**

Tuyên bố các bị cáo Mai Ngọc T và Thạch Kim G phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

### **2. Về hình phạt:**

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Ngọc T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2019.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thạch Kim G 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười T) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo Thạch Kim G cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Do các bên không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

### **4. Về án phí sơ thẩm:**

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo T và G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

### **5. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

## **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*đã ký*

**Lê Văn An**